

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
1	28204503841	Lê Thị Thảo	Ái	6/25/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT8	7.0	7.0	Đạt	
2	29215053420	Lê Phước	An	4/4/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SBN4	5.0	9.0	Đạt	
3	28206201905	Cao Nữ Lan	Anh	9/19/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31THT8	10.0	9.5	Đạt	
4	27205434656	Đặng Nguyễn Phương	Anh	11/21/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN5	5.0	6.8	Đạt	
5	26205339252	Đỗ Thị Vân	Anh	10/3/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	9.3	9.5	Đạt	
6	26205335565	Dương Thị Lan	Anh	11/29/2002	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SBN4	8.7	9.5	Đạt	
7	30204563722	Hoàng Thị Phương	Anh	1/24/2006	Nghệ An	Nữ	Kinh	31CHT5	4.0	5.0	Không Đạt	
8	28204600680	Lê Tuyết	Anh	5/4/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	8.7	5.5	Đạt	
9	27211235512	Ngô Quốc	Anh	11/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TSC7	7.0	9.3	Đạt	
10	26205339254	Nguyễn Cao Thùy	Anh	7/8/2002	Huế	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	9.5	Đạt	
11	28204937818	Nguyễn Hiền Lan	Anh	8/24/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	5.0	8.5	Đạt	
12	28205054483	Nguyễn Thị Vân	Anh	1/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC8	V	V	Vắng thi	
13	29204855550	Nguyễn Trần Văn	Anh	4/25/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	6.7	8.0	Đạt	
14	27213102402	Phạm Thảo	Anh	9/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	8.3	7.0	Đạt	
15	28206653159	Phan Thị Thúy	Anh	1/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC6	6.7	2.3	Không Đạt	
16	28206731865	Tôn Nữ Trâm	Anh	10/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN8	5.0	4.5	Không Đạt	
17	29206138485	Trần Thị Hồng	Anh	12/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	5.3	6.3	Đạt	
18	26215436118	Trương Văn Hoàng	Anh	9/26/2002	Huế	Nam	Kinh	31TSC8	5.7	5.5	Đạt	
19	28204647709	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/22/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT9	9.3	7.0	Đạt	
20	29205122740	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	12/17/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	5.0	3.3	Không Đạt	
21	28204651958	Phạm Hoàng Minh	Ánh	10/11/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC3	6.3	5.3	Đạt	
22	27211749236	Phạm Ngọc	Ánh	10/9/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	6.7	7.8	Đạt	
23	28205201090	Trần Thị Ngọc	Ánh	2/4/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT4	7.0	6.0	Đạt	
24	27207128881	Bùi Thị Tuyết	Ba	9/26/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	5.8	Đạt	
25	25215310834	Lê Văn	Bằng	5/16/2001	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC8	7.3	9.5	Đạt	
26	26211736158	Phạm Phú	Bảo	1/12/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CYC5	5.0	6.8	Đạt	
27	27215442195	Nguyễn Phạm Gia	Bảo	7/18/2003	Tiền Giang	Nam	Kinh	31TSC7	6.7	6.8	Đạt	
28	27211721615	Phạm Duy	Bảo	2/4/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	5.3	8.0	Đạt	
29	27211226957	Trần Hoàng Gia	Bảo	10/15/2003	Huế	Nam	Kinh	31CSC5	9.0	8.0	Đạt	
30	26205339258	Võ Nguyễn Yến	Biển	11/21/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC8	10.0	9.3	Đạt	
31	28206601689	Phan Thị Thanh	Bình	10/11/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT9	9.3	7.5	Đạt	
32	29219424985	Trần Thanh	Bình	5/13/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CSC4	8.3	9.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
33	28207351485	H Nĩa Byă	4/24/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31TSC7	6.0	6.5	Đạt	
34	27205442386	Nguyễn Ngọc Thanh Cắm	5/7/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CYC4	9.0	6.5	Đạt	
35	28204403220	Hồ Quỳnh Minh Châu	10/23/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.3	8.0	Đạt	
36	29205134824	Lê Đăng Bảo Châu	11/7/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT4	0.0	1.8	Không Đạt	
37	27217544891	Lê Ngọc Tân Châu	9/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	8.0	6.8	Đạt	
38	27205300359	Lê Trần Châu	7/3/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	8.7	3.8	Không Đạt	
39	26205442763	Trần Thị Bảo Châu	9/27/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC8	9.7	7.8	Đạt	
40	26205342429	Huỳnh Thị Linh Chi	7/3/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC8	9.3	10.0	Đạt	
41	27202101890	Lê Vương Diệu Chi	10/15/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	30TSC1	8.7	1.5	Không Đạt	
42	27203641460	Nguyễn Linh Chi	5/17/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC5	5.7	1.5	Không Đạt	
43	28206506723	Trần Thị Quỳnh Chi	11/29/2004	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	6.5	Đạt	
44	28214306962	Vũ Đình Chính	5/19/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN9	7.7	8.3	Đạt	
45	27213239579	Lê Thanh Chung	1/3/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	9.0	9.5	Đạt	
46	27215201940	Phạm Thế Chương	10/27/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC4	10.0	9.3	Đạt	
47	28204843858	Tạ Đình Hồng Chuyên	8/7/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	8.3	6.8	Đạt	
48	28214506865	Khuất Quang Cường	11/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC7	8.0	9.0	Đạt	
49	28214345014	Phạm Duy Đan	2/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT8	8.0	7.3	Đạt	
50	27215351394	Mai Hoàng Hải Đăng	4/20/2000	Kon Tum	Nam	Kinh	31SBN5	5.3	6.0	Đạt	
51	28219402195	Nguyễn Quý Danh	1/1/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT10	6.0	3.0	Không Đạt	
52	29203450296	Nguyễn Thị Thành Danh	7/7/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	5.3	5.8	Đạt	
53	28206231623	Đoàn Thị Anh Đào	2/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.7	7.3	Đạt	
54	28204953721	Trần Thị Anh Đào	2/18/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	7.0	Đạt	
55	28214601250	Phạm Hữu Đạo	3/2/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT5	3.3	6.0	Không Đạt	
56	28216252143	Dương Tiến Đạt	8/25/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT6	7.0	8.5	Đạt	
57	27215421566	Lê Nguyễn Tấn Đạt	2/7/2003	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31SYC4	9.7	9.8	Đạt	
58	27215402181	Lê Bá Quốc Dī	7/4/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT8	8.3	9.5	Đạt	
59	26203318409	Nguyễn Thị Phương Diễm	12/29/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	6.3	8.5	Đạt	
60	27205351179	Trịnh Thị Thanh Diễm	10/25/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT5	5.7	10.0	Đạt	
61	29204965650	Hoàng Thị Ngọc Diệp	8/20/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TBN8	6.0	3.8	Không Đạt	
62	28207101296	Hoàng Hồng Diệp	1/4/2004	Cao Bằng	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	7.0	Đạt	
63	28207100186	Phan Vũ Đình Đình	2/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN3	V	-	Vắng thi	
64	27215402645	Lê Nguyễn Trung Định	7/2/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31SHT4	7.7	7.0	Đạt	
65	29207164969	Đinh Thị Mỹ Đoan	3/31/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	7.0	10.0	Đạt	
66	27202942225	Trương Đoàn Khánh Đoan	7/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC1	4.7	4.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
67	27212243259	Mai Tấn Đôn	10/18/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31SSC4	8.3	5.5	Đạt	
68	27211340367	Lê Huỳnh Đức	1/13/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	9.3	8.4	Đạt	
69	26215332132	Nguyễn Hoài Đức	9/25/2002	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC4	7.0	7.5	Đạt	
70	27218240117	Phạm Đức	12/29/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	8.7	5.3	Đạt	
71	30204764568	Nguyễn Thị Kim Dung	10/28/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	7.7	5.8	Đạt	
72	28209328011	Nguyễn Thị Mỹ Dung	9/5/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT9	5.3	5.0	Đạt	
73	29204626061	Nguyễn Thị Phương Dung	9/13/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	6.0	8.0	Đạt	
74	28206204156	Nguyễn Thùy Dung	1/23/2004	Cà Mau	Nữ	Kinh	31TSC8	7.3	7.9	Đạt	
75	27215351181	Hoàng Đình Dũng	10/12/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT4	9.7	7.8	Đạt	
76	27215450203	Trịnh Anh Dũng	11/23/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	4.0	3.5	Không Đạt	
77	27215351182	Vương Hoàng Dũng	11/6/2003	Quảng Ninh	Nam	Kinh	31THT9	8.7	8.3	Đạt	
78	27218129339	Lê Hà Dương	8/12/2003	Huế	Nam	Kinh	31TBN9	9.3	6.3	Đạt	
79	27203342636	Trần Thị Ánh Dương	1/31/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN6	5.7	5.3	Đạt	
80	27215302066	Nguyễn Cảnh Duy	7/22/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31TYC8	8.0	9.4	Đạt	
81	27205300526	Bùi Thị Mỹ Duyên	12/16/2003	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31TYC5	8.7	7.0	Đạt	
82	27205252641	Huỳnh Ngọc Kỳ Duyên	11/18/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN5	5.7	6.5	Đạt	
83	27212101491	Lê Nguyễn Bảo Duyên	8/31/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	5.0	7.3	Đạt	
84	29205123416	Lê Thị Mỹ Duyên	6/15/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT4	8.7	5.0	Đạt	
85	27203342006	Nguyễn Lê Kỳ Duyên	6/1/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN6	9.3	4.0	Không Đạt	
86	26205442073	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	5/28/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	8.0	5.3	Đạt	
87	29206245929	Nguyễn Thị Ánh Duyên	4/7/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC5	9.7	9.0	Đạt	
88	28204549724	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	1/18/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	4.0	Không Đạt	
89	28216503565	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	7/21/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT3	5.3	6.0	Đạt	
90	28207149493	Phạm Thị Mỹ Duyên	4/13/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT7	8.0	2.0	Không Đạt	
91	29204950766	Trương Thị Lan Duyên	9/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	7.7	5.0	Đạt	
92	26203341588	Võ Thị Thanh Duyên	12/24/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	9.7	9.8	Đạt	
93	26211542695	Đinh Hoàng Giang	9/21/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	9.3	Đạt	
94	28204500513	Huỳnh Tiền Giang	2/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	8.7	9.0	Đạt	
95	27203300533	Kiều Thị Giang	11/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC6	5.0	5.8	Đạt	
96	28204954083	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	1/21/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	7.0	Đạt	
97	29204856420	Nguyễn Thị Thùy Giang	11/1/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC7	9.3	5.0	Đạt	
98	28204522875	Phan Hương Giang	11/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	6.0	6.8	Đạt	
99	28206751174	Bùi Thanh Hà	8/16/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT9	5.3	8.8	Đạt	
100	29204640015	Đỗ Thị Hồng Hà	9/30/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CSC4	9.0	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
101	28204303629	Ngô Thị Thu Hà	4/5/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	6.7	7.0	Đạt	
102	28207102445	Nguyễn Thị Ngọc Hà	8/29/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC8	6.7	5.4	Đạt	
103	26215334987	Huỳnh Phúc Hải	8/7/2002	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN9	6.0	7.5	Đạt	
104	27211341368	Nguyễn Lương Hải	10/23/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC5	9.7	5.3	Đạt	
105	29214121507	Nguyễn Văn Hải	12/13/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31SHT5	6.7	6.5	Đạt	
106	27205326889	Thái Thị Minh Hải	12/1/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC8	7.3	5.5	Đạt	
107	27211300541	Trần Đình Hải	11/4/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC7	7.0	4.0	Không Đạt	
108	28212300212	Trần Văn Hải	4/30/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	4.3	6.8	Không Đạt	
109	28204504150	Lê Nguyễn Bảo Hân	5/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC4	9.0	5.8	Đạt	
110	27205342598	Nguyễn Thị Ngọc Hân	5/4/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SYC4	8.3	10.0	Đạt	
111	29207362946	Trần Bảo Hân	2/15/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	9.0	6.8	Đạt	
112	26207200762	Đặng Thị Thanh Hằng	9/4/2001	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SSC4	4.7	5.0	Không Đạt	
113	30204456250	Lê Thị Thu Hằng	7/5/2006	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC4	8.7	6.8	Đạt	
114	27202902637	Nguyễn Thị Thanh Hằng	7/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	6.7	6.3	Đạt	
115	27205230323	Trần Thị Thanh Hằng	4/27/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC4	9.3	9.8	Đạt	
116	28204453988	Trần Thị Thanh Hằng	12/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	8.3	8.5	Đạt	
117	28204854214	Đỗ Hồng Hạnh	4/27/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC7	9.0	6.5	Đạt	
118	28204101935	Lâm Trần Hồng Hạnh	12/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	7.0	8.8	Đạt	
119	28208003560	Lê Thị Mỹ Hạnh	5/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	7.5	Đạt	
120	27215351417	Bùi Đức Hào	11/17/2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	31SSC4	9.7	10.0	Đạt	
121	27215343699	Nguyễn Quý Hào	12/5/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	7.3	5.8	Đạt	
122	26211241691	Hồ Huy Hậu	6/9/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	8.0	9.5	Đạt	
123	27211502597	Lê Văn Hậu	9/25/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT3	9.0	6.3	Đạt	
124	27215344607	Hồ Thị Thảo Hiền	10/11/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SYC4	9.7	8.8	Đạt	
125	28204601424	Nguyễn Thị Diệu Hiền	10/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	5.8	Đạt	
126	27203642366	Nguyễn Thị Thu Hiền	1/23/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT4	7.0	2.5	Không Đạt	
127	29206739155	Phạm Thị Thu Hiền	3/16/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	7.3	Đạt	
128	29206540512	Trần Thị Thu Hiền	8/18/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SSC4	6.3	6.0	Đạt	
129	26205339272	Võ Nguyễn Thu Hiền	5/9/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	7.8	Đạt	
130	27215351495	Nguyễn Đình Hiên	8/7/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	31CBN5	6.0	6.3	Đạt	
131	26215300830	Nguyễn Quang Minh Hiên	8/18/2002	Huế	Nam	Kinh	31CSC4	9.7	9.8	Đạt	
132	27215351496	Trần Thông Hiệp	2/2/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TSC8	9.7	6.3	Đạt	
133	28214503676	Đào Chí Hiếu	12/11/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
134	27211734039	Lê Trung Hiếu	7/2/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31CYC5	5.3	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUỖ		
135	26215342255	Ngô Văn Hiếu	4/14/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	8.3	8.4	Đạt	
136	29217145723	Nguyễn Trung Hiếu	9/13/2005	Phú Yên	Nam	Kinh	31CHT4	8.7	8.0	Đạt	
137	27215351498	Trần Anh Hiếu	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	31CYC4	7.7	8.3	Đạt	
138	28207150474	Trần Kiều Ngọc Hiếu	12/8/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	7.3	Đạt	
139	28204351025	Trần Phạm Diễm Hiếu	1/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	10.0	5.8	Đạt	
140	28204102868	Trương Thị Ngọc Hiếu	10/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC8	5.0	2.5	Không Đạt	
141	27211743181	Bùi Hữu Hiệu	10/23/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	3.7	0.0	Không Đạt	
142	27205302625	Cù Vĩnh Hoa	3/31/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	7.7	9.8	Đạt	
143	28204406625	Huỳnh Thị Lệ Hoa	1/16/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	10.0	9.5	Đạt	
144	28204138193	Lê Thị Huyền Hoa	2/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	9.3	6.0	Đạt	
145	28204639791	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	3/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	3.0	6.3	Không Đạt	
146	28206201062	Lương Thị Thu Hoài	7/27/2004	Đắk Lắk	Nữ	Tày	31THT10	5.3	1.3	Không Đạt	
147	29207340144	Nguyễn Hải Hoài	8/2/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	9.0	Đạt	
148	26215433380	Trần Khải Hoàn	12/1/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	5.3	6.5	Đạt	
149	30212325685	Nguyễn Chính Hoàng	10/26/2005	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31TSC7	4.0	5.0	Không Đạt	
150	27215201979	Nguyễn Huy Hoàng	10/11/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31THT10	6.3	5.5	Đạt	
151	27214326866	Trần Huy Hoàng	1/26/2003	Huế	Nam	Kinh	31TYC8	7.7	9.5	Đạt	
152	28212302991	Võ Đăng Huy Hoàng	5/11/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN7	7.0	6.3	Đạt	
153	29206520018	Đỗ Thị Hương Hoanh	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	8.7	7.3	Đạt	
154	29206846821	Nguyễn Thị Huệ	4/21/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	5.3	4.0	Không Đạt	
155	28217354762	Nguyễn Sỹ Tuấn Hùng	10/10/2001	Hà Nội	Nam	Kinh	31CYC4	9.0	9.5	Đạt	
156	27212929889	Đặng Văn Hưng	1/15/2003	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT5	7.7	7.5	Đạt	
157	27215402433	Nguyễn Phước Thái Hưng	1/30/2003	Huế	Nam	Kinh	31CYC4	7.0	8.5	Đạt	
158	27215302867	Nguyễn Việt Hưng	12/25/2003	Sơn La	Nam	Kinh	31CHT4	9.3	9.0	Đạt	
159	28211150005	Trần Khánh Hưng	6/7/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CHT5	9.7	8.5	Đạt	
160	27211231051	Trần Quốc Hưng	7/5/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31TYC8	3.0	5.0	Không Đạt	
161	27215402074	Trịnh Quốc Hưng	9/6/2000	Huế	Nam	Kinh	31CBN5	6.0	9.0	Đạt	
162	28206105643	Đỗ Quỳnh Hương	2/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	5.7	3.8	Không Đạt	
163	29207339654	Hồ Thị Lan Hương	8/27/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	10.0	9.3	Đạt	
164	26205339283	Lê Thị Mỹ Hương	4/17/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	8.3	8.8	Đạt	
165	28204953963	Ngô Diệu Hương	5/10/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	8.7	5.0	Đạt	
166	28204853633	Nguyễn Thị Huỳnh Hương	6/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	9.3	5.5	Đạt	
167	28206545883	Nguyễn Thị Mai Hương	5/22/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC5	7.7	7.0	Đạt	
168	28209500591	Nguyễn Thị Xuân Hương	5/2/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	8.0	5.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
169	26205339286	Trần Thị Thủy Hương	10/1/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC4	9.3	9.5	Đạt	
170	27218245446	Bùi Quang Huy	2/18/2003	Kon Tum	Nam	Kinh	31CSC4	6.7	6.8	Đạt	
171	27215338038	Bùi Thanh Gia Huy	8/26/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	9.7	8.8	Đạt	
172	28214301272	Huỳnh Đăng Huy	5/19/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31THT8	10.0	9.8	Đạt	
173	26215339279	Huỳnh Nam Huy	11/7/2002	Phú Yên	Nam	Kinh	31TYC8	8.3	9.0	Đạt	
174	27217140939	Lê Tấn Huy	10/20/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	7.7	7.3	Đạt	
175	28214328738	Lê Viết Minh Huy	7/9/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT8	5.7	8.5	Đạt	
176	28214500514	Mai Quốc Huy	3/19/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	8.3	9.8	Đạt	
177	27218202142	Nguyễn Phạm Minh Huy	11/7/2002	Gia Lai	Nam	Kinh	31SBN4	7.7	8.8	Đạt	
178	27215327193	Nguyễn Vũ Lê Huy	12/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	6.7	3.8	Không Đạt	
179	2211612469	Thân Ngọc Huy	11/12/1997	Gia Lai	Nam	Kinh	31TSC7	7.7	7.5	Đạt	
180	29215161820	Trịnh Gia Huy	7/18/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31CHT4	6.0	3.3	Không Đạt	
181	25216109604	Võ Đặng Khánh Huy	6/8/2001	Quảng Bình	Nam	Kinh	28TYC8	5.3	6.5	Đạt	
182	26215339281	Vũ Quang Huy	8/28/2002	Kon Tum	Nam	Kinh	31CSC5	9.0	9.8	Đạt	
183	28204600226	Bùi Thị Thanh Huyền	10/14/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	6.5	Đạt	
184	27205351705	Chế Thị Bích Huyền	11/7/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT4	7.3	9.5	Đạt	
185	30208127573	Đinh Phạm Khánh Huyền	1/26/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	9.3	Đạt	
186	29202737178	Hà Đoàn Ngọc Huyền	6/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.0	6.0	Đạt	
187	27215345031	Hoàng Như Huyền	4/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CSC4	8.7	8.8	Đạt	
188	29204861524	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	3/31/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CHT4	6.3	2.3	Không Đạt	
189	29206700064	Nguyễn Thị Thương Huyền	1/18/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC7	9.0	9.5	Đạt	
190	27218243140	Thái Văn Hy	5/6/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	8.7	7.3	Đạt	
191	28212700452	Trần Khắc Kế	12/7/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN3	6.3	5.3	Đạt	
192	27211502026	Nguyễn Triết Khang	11/22/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT9	9.3	5.3	Đạt	
193	27215450347	Võ Duy Khang	3/21/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31SSC4	8.0	6.5	Đạt	
194	27215434375	Huỳnh Tuấn Khanh	9/5/2003	Cần Thơ	Nam	Kinh	31THT8	9.3	9.8	Đạt	
195	27205431007	Nguyễn Diệp Bảo Khanh	12/17/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC7	9.7	9.0	Đạt	
196	27205434809	Nguyễn Mai Khanh	9/30/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31CYC4	8.7	8.0	Đạt	
197	27205427392	Võ Ngọc Châu Khanh	8/3/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT4	8.7	5.5	Đạt	
198	25211608085	Lê Hữu Khánh	3/9/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31SBN5	8.3	9.0	Đạt	
199	29204952140	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	10/4/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN8	4.0	2.3	Không Đạt	
200	28205001897	Phạm Việt An Khánh	3/11/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN9	5.7	7.3	Đạt	
201	27217201149	Trần Bảo Khánh	8/23/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	30CBN12	6.3	6.0	Đạt	
202	27211344135	Võ Hữu Khánh	6/12/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC3	7.3	6.0	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
203	27211329762	Lê Huy Khiêm	8/10/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	8.4	Đạt	
204	26215334851	Hồ Vĩnh Khoa	3/4/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC5	9.0	9.5	Đạt	
205	26215339291	Lê Nguyễn Minh Khoa	4/20/2002	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31CSC4	10.0	9.5	Đạt	
206	27212237511	Võ Thành Khoa	9/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT5	7.7	7.8	Đạt	
207	25215312270	Trần Cao Anh Khôi	11/14/2001	Huế	Nam	Kinh	31THT8	8.7	9.8	Đạt	
208	27215345892	Phan Văn Khởi	5/24/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	9.0	10.0	Đạt	
209	29214359374	Mai Văn Kiệt	8/6/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	9.3	9.3	Đạt	
210	29206747906	Đỗ Thị Hương Kiều	6/30/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	9.7	9.0	Đạt	
211	29206640894	Trần Thị Thanh Kiều	7/9/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC4	8.3	7.0	Đạt	
212	28207242241	Lương Thị Tuyết Kim	11/14/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.3	9.5	Đạt	
213	27212135962	Dương Đức Kỳ	11/7/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	6.0	5.3	Đạt	
214	28214300904	Trương Hiếu Kỳ	8/27/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC7	9.0	5.8	Đạt	
215	27205330212	Đặng Tuyết Lâm	10/31/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	8.8	Đạt	
216	28214600843	Huỳnh Văn Lâm	12/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	7.0	8.0	Đạt	
217	26215339295	Lê Nguyễn Hà Lâm	5/5/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31THT9	9.7	9.0	Đạt	
218	29206565322	Lê Thị Lan	1/6/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	3.0	2.5	Không Đạt	
219	27205450349	Nguyễn Thị Ngọc Lan	6/2/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	4.0	Không Đạt	
220	28209327165	Nguyễn Thị Lành	11/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	6.7	7.5	Đạt	
221	27214737716	Nguyễn Văn Lành	5/14/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC3	9.7	5.0	Đạt	
222	27218238448	Phạm Thanh Lành	4/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	6.7	6.3	Đạt	
223	29205261970	Võ Thị Hồng Lãnh	4/19/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN9	9.7	8.3	Đạt	
224	30204557389	Đặng Quỳnh Lê	3/19/2006	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CHT5	9.0	5.1	Đạt	
225	27205241924	Đỗ Thị Bích Lệ	3/10/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31CBN4	9.7	6.5	Đạt	
226	28204800716	Trần Mỹ Lệ	11/29/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT8	9.7	8.0	Đạt	
227	28206503063	Nguyễn Thị Li	3/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	8.3	8.0	Đạt	
228	28204606136	Lê Thị Quỳnh Liên	9/11/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TBN9	6.7	6.3	Đạt	
229	28206227691	Phan Trần Mỹ Liên	3/29/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC3	9.7	6.3	Đạt	
230	29204359123	Lê Thị Linh Linh	8/22/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	6.7	9.0	Đạt	
231	26205435703	Lưu Tú Linh	1/8/2002	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31TSC8	8.7	8.3	Đạt	
232	28206501340	Nguyễn Đặng Ngọc Linh	9/23/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN9	7.0	8.3	Đạt	
233	28204941092	Nguyễn Thị Bảo Linh	7/4/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31TSC7	4.3	1.8	Không Đạt	
234	28204602801	Nguyễn Thị Huyền Linh	7/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	V	V	Vắng thi	
235	29207164489	Nguyễn Thị Khánh Linh	9/8/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	6.7	5.0	Đạt	
236	27202244270	Nguyễn Thị Mỹ Linh	3/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	9.3	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
237	28206146838	Nguyễn Thị Thùy Linh	9/20/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC8	10.0	9.3	Đạt	
238	28204503085	Nguyễn Thị Yến Linh	8/31/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	10.0	8.0	Đạt	
239	29205155663	Phạm Nguyễn Khánh Linh	6/5/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	9.7	5.3	Đạt	
240	27205433978	Phạm Thị Giang Linh	1/7/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31THT8	8.3	9.8	Đạt	
241	28204352376	Phạm Thị Thảo Linh	2/16/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN4	5.7	5.8	Đạt	
242	29206264826	Phan Thùy Linh	9/3/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CSC5	5.7	6.0	Đạt	
243	27205326828	Trương Khánh Linh	12/25/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	9.3	Đạt	
244	28204403413	Bùi Thị Kiều Loan	2/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.0	8.0	Đạt	
245	28204646622	Phạm Thị Mai Loan	8/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	6.8	Đạt	
246	28214602433	Phạm Thị Như Lợi	7/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	9.7	9.5	Đạt	
247	26215341623	Nguyễn Nho Nhật Long	3/6/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	9.7	9.5	Đạt	
248	26211031383	Trương Thành Long	9/18/2001	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SBN5	6.7	9.8	Đạt	
249	29214539868	Võ Như Long	7/17/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT4	6.3	10.0	Đạt	
250	28206501472	Trần Thị Hiền Lương	11/24/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	6.3	7.5	Đạt	
251	28204544065	Hoàng Thị Ly	5/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	7.7	3.8	Không Đạt	
252	29204654545	Lưu Khánh Ly	1/20/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31CSC4	9.0	5.3	Đạt	
253	27215245578	Nguyễn Thị Phương Ly	10/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	9.0	Đạt	
254	29208150767	Phạm Thị Ly Ly	4/2/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	8.3	6.5	Đạt	
255	28205151766	Phan Kiều Ly	3/25/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN4	6.3	5.0	Đạt	
256	27215342754	Trương Hồ Thảo Ly	2/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	7.0	6.8	Đạt	
257	28206227190	Mai Thị Kim Lý	1/26/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT7	9.3	6.5	Đạt	
258	26214335804	Chu Minh Mẫn	1/24/2002	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SSC4	5.0	9.0	Đạt	
259	28204401324	Hứa Gia Mẫn	11/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.0	7.0	Đạt	
260	29204651630	Lưu Thị Diễm Mi	10/3/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT10	10.0	10.0	Đạt	
261	27215343759	Đoàn Duy Minh	10/6/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CBN5	8.0	9.8	Đạt	
262	27211342753	Hồ Văn Minh	9/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	9.3	6.0	Đạt	
263	27215327683	Lại Thế Nhật Minh	7/16/2003	Thanh Hóa	Nam	Kinh	31SBN5	7.0	8.3	Đạt	
264	28215002526	Nguyễn Trần Nhựt Minh	2/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	7.0	9.0	Đạt	
265	27215302871	Nguyễn Tuấn Minh	8/10/2003	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CYC5	6.7	5.0	Đạt	
266	26215234266	Phạm Quang Minh	7/20/1999	Huế	Nam	Kinh	31CSC5	V	V	Vắng thi	
267	28216935219	Trần Ngọc Minh	6/28/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC5	4.7	4.0	Không Đạt	
268	25205316490	Trần Thị Nguyệt Minh	7/7/2000	Hà Nội	Nữ	Kinh	31SSC4	8.7	9.5	Đạt	
269	28204603317	H Uyên Miô	11/11/2004	Đắk Lắk	Nữ	Êđê	31SHT4	8.0	7.8	Đạt	
270	28206500271	Bùi Huyền My	11/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT3	5.0	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
271	28205203437	Huỳnh Thị Trà My	7/9/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SHT5	8.0	7.5	Đạt	
272	27215401828	Lê Huyền My	10/4/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CHT4	9.3	9.3	Đạt	
273	29207345475	Lê Thị Trà My	10/1/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC4	8.3	6.0	Đạt	
274	29204659507	Nguyễn Thị Xuân My	10/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT10	8.7	9.0	Đạt	
275	28206651255	Phạm Ngọc Hiền My	4/10/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT4	7.0	8.8	Đạt	
276	28208101802	Phan Thị Nhã My	7/8/1999	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	10.0	9.3	Đạt	
277	28204344321	Phan Thị Trúc My	12/26/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC3	7.0	8.0	Đạt	
278	27217234886	Văn Dương Thảo My	9/20/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	2.3	5.3	Không Đạt	
279	28216551081	Huỳnh Thị Ánh Mỹ	7/30/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC8	9.0	6.8	Đạt	
280	28204301857	Lê Thị Lê Na	12/9/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	8.3	6.5	Đạt	
281	28206206520	Nguyễn Thái Hà Na	4/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CYC4	7.3	8.5	Đạt	
282	27215332590	Trịnh Lê Na	9/26/2003	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SBN4	5.0	5.8	Đạt	
283	27211300981	Đoàn Mạnh Nam	8/26/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	4.3	6.5	Không Đạt	
284	27218239397	Văn Thanh Hoàng Nam	9/19/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	5.3	6.0	Đạt	
285	28206553538	Hồ Phương Nga	12/14/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31SSC4	9.3	8.8	Đạt	
286	28206506449	Huỳnh Thị Thúy Nga	10/27/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC5	5.0	6.5	Đạt	
287	28206354461	Nguyễn Thị Hằng Nga	12/26/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SHT5	9.7	5.8	Đạt	
288	29204622607	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	1/2/2005	Phú Yên	Nữ	Kinh	31THT10	8.3	7.0	Đạt	
289	28204949857	Trần Thị Kiều Nga	6/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN2	6.0	3.8	Không Đạt	
290	28204949858	Trần Thị Nguyệt Nga	6/3/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN2	7.7	0.0	Không Đạt	
291	28206549097	Trịnh Thị Thúy Nga	7/20/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	H	H	Hoãn thi	
292	27205435338	Nguyễn Lê Khánh Ngân	12/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	8.3	9.3	Đạt	
293	28206551553	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/25/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC8	5.3	7.8	Đạt	
294	28204653371	Nguyễn Thị Thủy Ngân	10/4/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SHT4	3.0	5.0	Không Đạt	
295	28204900448	Nguyễn Thiên Ngân	10/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	5.3	7.5	Đạt	
296	28204645867	Phan Thị Kim Ngân	8/3/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	8.8	Đạt	
297	26205339309	Trần Hà Ngân	1/21/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	4.7	9.5	Không Đạt	
298	27205352127	Lê Nguyễn Đông Nghi	5/21/2003	Bảo Lộc	Nữ	Kinh	31CYC5	8.0	9.0	Đạt	
299	26208638587	Phan Tịnh Nghi	7/10/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SBN2	6.0	7.5	Đạt	
300	29214758784	Lê Quốc Nghị	10/19/2005	Bình Định	Nam	Kinh	31TBN9	9.7	9.5	Đạt	
301	28214349091	Ngô Đại Nghĩa	2/28/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31THT8	5.0	7.0	Đạt	
302	27215142855	Nguyễn Hữu Nghĩa	6/11/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	3.0	6.8	Không Đạt	
303	26204732390	Bùi Thị Bích Ngọc	12/3/1997	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	4.7	6.0	Không Đạt	
304	27202239726	Lê Nguyễn Hoài Ngọc	5/31/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	V	V	Vắng thi	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
305	27205202249	Lương Bảo	Ngọc	4/10/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	5.3	8.0	Đạt	
306	29208154532	Mai Thị	Ngọc	7/7/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT3	5.0	5.5	Đạt	
307	27215432714	Nguyễn Bích	Ngọc	3/14/2003	Hà Nội	Nữ	Kinh	31TBN8	10.0	9.5	Đạt	
308	27205401064	Nguyễn Lê Ngọc	Ngọc	8/10/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC4	9.3	10.0	Đạt	
309	28207102440	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	4/26/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TSC5	6.0	5.3	Đạt	
310	28209350282	Phạm Bảo	Ngọc	5/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CBN5	5.3	5.1	Đạt	
311	29202740397	Phạm Thị Bảo	Ngọc	12/16/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	9.0	Đạt	
312	29215044545	Phan Đoàn	Ngọc	4/29/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31CBN4	6.0	8.8	Đạt	
313	28205140602	Võ Bích	Ngọc	11/9/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN4	7.7	7.0	Đạt	
314	28214603766	Bùi Văn	Nguyên	5/17/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC5	7.7	5.0	Đạt	
315	29213540652	Cáp Hải Minh	Nguyên	4/21/2005	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CBN4	6.0	6.8	Đạt	
316	29217238433	Đoàn Vĩnh	Nguyên	3/24/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN5	6.7	9.5	Đạt	
317	28214604224	Đồng Xuân	Nguyên	8/29/2004	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31TYC8	5.0	9.0	Đạt	
318	28204901598	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	10/11/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	7.0	4.0	Không Đạt	
319	27216734849	Lê Tây	Nguyên	6/24/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	6.0	Đạt	
320	27204330443	Lê Thị Hạnh	Nguyên	3/25/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC8	6.0	9.3	Đạt	
321	28214103854	Phạm Khải	Nguyên	3/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT4	7.7	8.8	Đạt	
322	28206500555	Trác Thị Lệ	Nguyên	12/1/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT10	10.0	10.0	Đạt	
323	27205450460	Trần Thị Gia	Nguyên	12/14/2002	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CBN5	5.3	9.5	Đạt	
324	28204602967	Vũ Thị Thảo	Nguyên	4/13/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	9.0	5.1	Đạt	
325	27215353430	Lê Thành	Nha	12/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	8.3	10.0	Đạt	
326	27205444233	Lê Thị Thanh	Nhàn	10/5/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CYC4	9.3	8.8	Đạt	
327	26207231088	Lê Thị Thanh	Nhàn	7/26/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	6.7	6.0	Đạt	
328	28216149492	Lê Quang	Nhân	5/7/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CHT5	3.7	3.8	Không Đạt	
329	27211236303	Lê Viết Hoàng	Nhân	3/28/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN9	6.3	6.8	Đạt	
330	26205341670	Nguyễn Đức Hạnh	Nhân	8/17/2002	Huế	Nữ	Kinh	31SBN4	9.3	9.5	Đạt	
331	30217257774	Trần Thành	Nhân	1/25/2006	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	7.7	6.3	Đạt	
332	27202243943	Nguyễn Thị Băng	Nhạn	10/23/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC5	5.3	5.0	Đạt	
333	28214402122	Trần Văn	Nhất	3/16/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TBN9	6.0	8.5	Đạt	
334	29216565324	Lê Văn	Nhật	10/3/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31TBN8	5.7	5.0	Đạt	
335	27218227933	Mai Văn	Nhật	1/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.0	4.0	Không Đạt	
336	24213705480	Nguyễn Minh	Nhật	11/16/2000	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT5	9.3	6.3	Đạt	
337	27204329543	Nguyễn Thủy	Nhật	9/4/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	6.3	8.5	Đạt	
338	27205337662	Đặng Lê Thảo	Nhi	9/7/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SSC4	8.0	5.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
339	27205300407	Đặng Ngô Vũ Nhi	7/1/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.3	9.5	Đạt	
340	28204950493	Đặng Thảo Nhi	4/1/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	7.0	9.0	Đạt	
341	29214151089	Đỗ Thị Thúy Nhi	8/4/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN5	7.0	7.0	Đạt	
342	28206238575	Hồ Thị Yến Nhi	6/26/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31THT9	3.7	2.1	Không Đạt	
343	28204605419	Hoàng Nguyễn Tùng Nhi	10/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CSC3	7.7	5.0	Đạt	
344	29209353491	Lê Kim Ngọc Nhi	4/27/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	9.0	10.0	Đạt	
345	28214642985	Lê Thị Phương Nhi	3/17/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TSC5	8.0	5.6	Đạt	
346	28204804855	Lê Thị Yến Nhi	3/3/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	4.7	3.8	Không Đạt	
347	27204337320	Lê Vũ Khánh Nhi	8/29/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN2	5.0	9.5	Đạt	
348	28206551037	Mai Hoàng Tuyết Nhi	1/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31THT10	9.7	6.0	Đạt	
349	29206751121	Ngô Nguyễn Yến Nhi	2/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC7	5.7	7.0	Đạt	
350	27205402019	Nguyễn Hoàng Phương Nhi	10/14/2003	Cần Thơ	Nữ	Kinh	31THT8	8.0	7.0	Đạt	
351	27205439267	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	10/24/2003	Kiên Giang	Nữ	Kinh	31CHT4	9.0	5.0	Đạt	
352	28204304168	Nguyễn Thị Hồng Nhi	2/7/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT5	4.7	6.8	Không Đạt	
353	26205330255	Nguyễn Thị Kim Nhi	6/25/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	9.8	Đạt	
354	29204660650	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	5/11/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	3.5	Không Đạt	
355	28204646545	Nguyễn Thị Quỳnh Nhi	3/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31CHT5	8.0	7.8	Đạt	
356	28204706187	Nguyễn Thị Thanh Nhi	12/7/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	7.5	Đạt	
357	29207148068	Nguyễn Thị Yến Nhi	9/30/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT4	7.3	3.8	Không Đạt	
358	28204853942	Nguyễn Thị Yến Nhi	2/6/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	6.0	Đạt	
359	28209538080	Phạm Thị Huyền Nhi	10/22/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	8.0	5.8	Đạt	
360	29204621005	Phạm Trần Yến Nhi	11/2/2005	Bình Định	Nữ	Kinh	31TBN8	8.3	7.5	Đạt	
361	27205426908	Phan Tuyết Nhi	11/14/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT4	7.3	9.5	Đạt	
362	28206501031	Tạ Thị Yến Nhi	10/5/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	4.7	5.3	Không Đạt	
363	29206558628	Trần Đặng Yến Nhi	2/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	8.3	6.5	Đạt	
364	28204632861	Trần Hoài Nhi	1/20/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN5	V	V	Vắng thi	
365	29204555431	Trần Thị Phương Nhi	7/1/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	8.7	9.0	Đạt	
366	28209402321	Trần Vũ Hoài Nhi	9/30/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	9.0	Đạt	
367	27205431644	Võ Quỳnh Nhi	11/21/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	7.7	8.6	Đạt	
368	27215335056	Võ Trần Thục Nhi	2/27/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.7	8.5	Đạt	
369	27211343860	Phạm Trần Thanh Nhiên	9/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	6.7	8.3	Đạt	
370	28206539542	Đặng Thị Quỳnh Như	9/23/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	9.7	8.3	Đạt	
371	28206500258	Đặng Yến Như	9/1/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CYC5	5.3	6.3	Đạt	
372	28206504109	Huỳnh Nguyễn Quỳnh Như	8/26/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	7.3	6.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
									KTC	THUỖ		
373	26207135208	Lê Phan Khánh	Như	8/26/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT8	5.7	6.8	Đạt	
374	28206501837	Trà Thị Quỳnh	Như	10/9/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	7.8	Đạt	
375	27205140354	Trần Nữ Quỳnh	Như	6/7/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC7	9.0	5.3	Đạt	
376	27205450495	Trần Thị	Như	10/4/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31SHT4	10.0	8.0	Đạt	
377	28204351237	Trần Thị Ngọc	Như	11/8/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC7	8.0	8.0	Đạt	
378	28204706379	Đỗ Hoàng	Nhung	4/28/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	7.7	5.9	Đạt	
379	29207351369	Dương Thị Tuyết	Nhung	1/11/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT4	7.3	8.8	Đạt	
380	28204644658	Hồ Thị Cẩm	Nhung	10/9/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	5.3	5.0	Đạt	
381	29219353494	Lê Kim Ngọc	Nhung	4/27/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SSC4	9.7	9.5	Đạt	
382	28204646606	Nguyễn Hồng	Nhung	1/25/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN9	9.7	8.3	Đạt	
383	29209423992	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	5/10/2005	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31THT8	9.7	7.0	Đạt	
384	27215352222	Trần Tấn	Nhật	10/30/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC5	9.0	8.8	Đạt	
385	27211348932	Võ Văn	Nhật	5/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	4.7	9.3	Không Đạt	
386	29206757768	Phan Thị Hoàng	Oanh	5/19/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	10.0	9.0	Đạt	
387	27205300567	Võ Hoàng	Oanh	1/26/2003	Bình Phước	Nữ	Kinh	31SYC4	9.7	8.8	Đạt	
388	29206558768	Nguyễn Thị	Phấn	9/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC7	9.7	7.0	Đạt	
389	28210204329	Nguyễn Thanh	Pháp	2/21/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	7.7	8.9	Đạt	
390	27211321109	Huỳnh Minh	Phát	2/24/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CSC4	9.0	8.0	Đạt	
391	27213153185	Nguyễn Đình	Phi	9/11/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	7.7	7.5	Đạt	
392	29217357338	Nguyễn Gia	Phong	4/27/2005	Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	31SBN4	9.3	7.8	Đạt	
393	30212250325	Huỳnh Ngọc Thiên	Phú	9/26/2006	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT8	9.3	9.8	Đạt	
394	29205124750	Lê Thị An	Phú	9/16/2005	Kon Tum	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	9.0	Đạt	
395	29215143900	Lô Minh	Phú	12/4/2005	Nghệ An	Nam	Kinh	31CHT4	5.3	2.5	Không Đạt	
396	27211303112	Nguyễn Thành	Phú	1/9/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31TSC3	6.3	8.5	Đạt	
397	26215333896	Phạm Đình	Phú	12/27/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31TYC8	9.0	9.8	Đạt	
398	28212300953	Trần Triệu	Phú	10/18/2004	Đắk Nông	Nam	Kinh	31THT5	6.0	5.8	Đạt	
399	27215352269	Hoàng Hữu	Phúc	1/1/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31SYC4	10.0	10.0	Đạt	
400	28204302369	Lâm Như	Phúc	6/15/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT8	9.0	8.3	Đạt	
401	27211736464	Lê Tấn Hoàn	Phúc	7/6/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CSC4	8.3	8.3	Đạt	
402	27208628159	Lê Xuân Hồng	Phúc	5/20/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT9	6.3	6.0	Đạt	
403	26215334948	Lương Hoàng	Phúc	5/27/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TYC8	6.7	9.5	Đạt	
404	27211653290	Lý Trường	Phúc	8/30/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31THT10	8.3	5.5	Đạt	
405	27211346070	Nguyễn Đình	Phúc	10/5/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC5	5.7	3.3	Không Đạt	
406	27211742053	Nguyễn Hoàng	Phúc	6/23/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC5	2.7	0.3	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
407	28214151604	Nguyễn Tấn Phúc	8/19/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	7.7	10.0	Đạt	
408	28208004386	Trần Thị Phúc	9/10/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	7.5	Đạt	
409	29219324052	Trịnh Gia Phúc	9/14/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SHT4	5.3	5.5	Đạt	
410	28214652661	Trương Công Phúc	2/16/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT3	4.0	5.8	Không Đạt	
411	29215141835	Trương Nguyễn Hoàng Phúc	3/14/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	8.3	5.0	Đạt	
412	28214601955	Võ Đình Phúc	8/29/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	7.0	8.5	Đạt	
413	29214356496	Mai Xuân Phụng	6/14/2005	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31CYC4	5.7	3.8	Không Đạt	
414	27211542371	Nguyễn Đình Phước	4/20/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	8.3	8.0	Đạt	
415	28204604033	Lê Trúc Phương	11/15/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	6.0	8.8	Đạt	
416	27205342186	Mai Lâm Phương	8/14/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SYC4	9.3	10.0	Đạt	
417	28204633793	Nguyễn Hồng Thủy Phương	1/20/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	9.0	8.3	Đạt	
418	29204653982	Nguyễn Thị Phương	9/20/2005	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31TSC6	8.0	5.0	Đạt	
419	26205333653	Nguyễn Thu Phương	7/15/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	7.3	9.5	Đạt	
420	27206628703	Vũ Thị Minh Phương	6/12/2003	Nam Định	Nữ	Kinh	31THT3	7.0	7.8	Đạt	
421	26215336433	Đặng Thế Bảo Quân	9/5/2002	Huế	Nam	Kinh	31THT9	6.7	8.8	Đạt	
422	28212234589	Hoàng Minh Quân	6/20/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TBN9	7.7	8.0	Đạt	
423	27216100883	Phạm Đoàn Anh Quân	8/26/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT4	6.3	7.0	Đạt	
424	28214304515	Lê Việt Quang	8/9/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31CBN5	9.3	9.0	Đạt	
425	26217240030	Nguyễn Đăng Quang	4/22/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TBN2	-	V	Vắng thi	
426	27211748874	Nguyễn Ngọc Quang	6/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT10	8.0	7.5	Đạt	
427	27215402118	Phạm Đăng Quang	9/16/2003	Bình Thuận	Nam	Kinh	31SYC4	8.7	9.5	Đạt	
428	27213225804	Đỗ Khánh Quốc	9/28/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN9	4.3	0.8	Không Đạt	
429	29212354240	Nguyễn Mai Anh Quốc	10/26/2005	Gia Lai	Nam	Kinh	31CBN4	5.3	6.3	Đạt	
430	28213548970	Nguyễn Oanh Quốc	6/16/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN5	9.3	9.1	Đạt	
431	27214329264	Phạm Phú Quốc	5/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT5	6.0	9.5	Đạt	
432	28214306108	Hồ Tá Quý	6/20/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31TBN8	5.7	6.0	Đạt	
433	27213102261	Huỳnh Nhật Quý	7/15/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TBN9	5.0	5.8	Đạt	
434	28217100579	Nguyễn Phan Ngọc Quý	1/6/2004	Thừa Thiên Huế	Nam	Kinh	31TSC6	5.0	3.8	Không Đạt	
435	28206501701	Nguyễn Thị Mỹ Quý	12/31/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT10	5.0	0.8	Không Đạt	
436	27212842462	Ông Văn Quý	11/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	5.3	5.3	Đạt	
437	25207209274	Trần Thị Hanh Quý	11/18/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN4	7.3	8.3	Đạt	
438	28204552464	Cao Ngọc Bảo Quyên	2/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	3.8	Không Đạt	
439	29206548897	Lưu Thị Kiều Quyên	1/28/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	7.3	7.3	Đạt	
440	27203336438	Nguyễn Thị Lệ Quyên	2/17/2003	Ninh Bình	Nữ	Kinh	31CHT5	8.7	6.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
441	27207228730	Nguyễn Vũ Tịnh Quyên	7/23/2003	Hội An	Nữ	Kinh	30TBN15	5.0	8.5	Đạt	
442	27205227181	Trần Thảo Quyên	4/19/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	9.7	9.0	Đạt	
443	27205342916	Võ Lê Thùy Quyên	11/21/2003	Thừa Thiên Huế	Nữ	Kinh	31THT10	9.7	9.5	Đạt	
444	29204361320	Võ Thị Ánh Quyên	8/27/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT5	8.7	8.0	Đạt	
445	30202858625	Đỗ Nguyên Khiết Quỳnh	6/21/2006	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SBN5	9.0	6.8	Đạt	
446	27203342189	Dương Xuân Quỳnh	10/29/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT5	9.3	6.0	Đạt	
447	27205437750	Lê Diễm Quỳnh	9/2/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SHT4	9.0	9.0	Đạt	
448	29206548398	Ngô Thị Như Quỳnh	9/2/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN7	8.0	5.8	Đạt	
449	29207144447	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh	2/23/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	4.3	5.5	Không Đạt	
450	28204904046	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	9/23/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TBN7	8.7	6.0	Đạt	
451	29204951058	Nguyễn Thị Như Quỳnh	3/6/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	6.5	Đạt	
452	27203134852	Nguyễn Thị Như Quỳnh	7/21/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SYC4	6.0	1.0	Không Đạt	
453	28204640133	Phạm Thị Như Quỳnh	8/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TYC7	9.3	8.3	Đạt	
454	29208157490	Võ Lâm Như Quỳnh	2/6/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	3.8	Không Đạt	
455	29212254589	Bùi Đông San	9/16/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	5.0	6.3	Đạt	
456	29212320073	Hà Ngọc Sang	3/25/2005	Bình Định	Nam	Kinh	31SHT5	9.7	8.5	Đạt	
457	28216602207	Lâm Trần Quang Sang	3/2/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT9	9.7	6.0	Đạt	
458	26211534735	Nguyễn Phước Sang	8/31/2002	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CSC5	9.3	9.8	Đạt	
459	28214903826	Hà Phước Sơn	4/19/2004	Quảng Bình	Nam	Kinh	31SHT4	2.7	4.3	Không Đạt	
460	28214302800	Hoàng Lê Sơn	2/23/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC7	8.3	7.0	Đạt	
461	30212330337	Nguyễn Công Thiên Sơn	5/6/2006	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CBN4	6.0	8.5	Đạt	
462	27215402180	Nguyễn Hồng Sơn	12/14/2003	Ninh Thuận	Nam	Kinh	31CBN4	7.0	3.3	Không Đạt	
463	28214147477	Đình Chí Sóng	3/30/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31SSC2	6.0	1.8	Không Đạt	
464	27202543823	Phan Thị Thu Sương	7/15/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31THT10	5.0	5.8	Đạt	
465	27215330758	Lê Văn Cao Tài	4/7/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CHT4	7.3	5.8	Đạt	
466	27215445597	Nguyễn Đình Tài	7/21/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	9.3	6.8	Đạt	
467	28216554530	Nguyễn Đức Tài	12/28/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SSC4	8.7	9.5	Đạt	
468	27217140008	Nguyễn Thanh Tài	4/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	6.7	7.8	Đạt	
469	28216649995	Nguyễn Tiến Tài	10/8/2002	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT9	7.7	6.0	Đạt	
470	27211334764	Trần Văn Tài	2/7/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN2	3.0	5.3	Không Đạt	
471	28205129941	Nguyễn Thị Thanh Tâm	4/17/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	7.7	5.5	Đạt	
472	27211321850	Thái Thiện Tâm	26/12/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC8	8.3	10.0	Đạt	
473	29206547209	Vũ Thị Thanh Tâm	8/23/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	10.0	7.8	Đạt	
474	28214554602	Đỗ Đăng Tấn	7/28/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TSC7	9.0	5.3	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
475	28214302119	Lê Quốc Tấn	5/24/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	5.3	5.0	Đạt	
476	28218136261	Nguyễn Hữu Hoàng Thạch	8/15/2004	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	31TSC7	8.7	10.0	Đạt	
477	26215339331	Phạm Ngọc Thạch	11/1/2002	Vũng Tàu	Nam	Kinh	31TYC8	7.3	9.5	Đạt	
478	30208158114	Phan Lê Cẩm Thạch	5/27/2006	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC7	7.7	9.1	Đạt	
479	28214652942	Hồ Văn Thái	4/16/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
480	29217456321	Hồ Thanh Thắng	5/3/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CBN4	7.7	7.0	Đạt	
481	27214303182	Nguyễn Quang Thắng	12/18/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT5	6.0	6.3	Đạt	
482	26215341707	Võ Việt Thắng	6/10/2002	Bình Định	Nam	Kinh	31CSC4	10.0	10.0	Đạt	
483	52200010838	Hà Đình Minh Thanh	11/6/2000	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC8	V	V	Vắng thi	
484	29206764830	Huỳnh Thị Thanh Thanh	3/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	7.3	8.0	Đạt	
485	29207154252	Lê Thị Hoài Thanh	5/11/2002	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CBN4	6.0	5.3	Đạt	
486	27202433120	Lê Thị Thanh Thanh	9/22/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	6.5	Đạt	
487	29204661377	Ngô Huyền Thanh	4/8/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT5	10.0	6.3	Đạt	
488	27217125401	Nguyễn Đắc Thanh	10/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SHT4	7.7	4.0	Không Đạt	
489	27212253018	Nguyễn Lê Diệu Thanh	5/2/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT10	8.0	6.0	Đạt	
490	29206551037	Nguyễn Thị Thương Thanh	8/12/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CYC4	7.0	7.0	Đạt	
491	28204651737	Trần Thái Thanh	5/11/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SHT5	8.0	5.8	Đạt	
492	27215450533	Lê Đình Thành	5/29/2001	Bà Rịa	Nam	Kinh	31CYC5	8.0	6.0	Đạt	
493	27216700892	Lê Văn Thành	8/26/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TYC8	8.7	8.5	Đạt	
494	27212245627	Nguyễn Đình Thành	11/8/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31CBN2	7.3	5.5	Đạt	
495	28213600690	Nguyễn Việt Thành	8/18/2004	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC7	9.7	8.0	Đạt	
496	29207342164	Đình Thị Phương Thảo	12/16/2005	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN4	9.0	8.0	Đạt	
497	28204725039	Đoàn Thị Kim Thảo	2/21/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	9.7	7.3	Đạt	
498	28204322977	Hồ Thị Thanh Thảo	3/7/2004	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	31SSC2	9.3	9.0	Đạt	
499	30204557459	Huỳnh Minh Thảo	3/22/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT9	3.3	4.3	Không Đạt	
500	26202428041	Lê Nguyên Thảo	1/15/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	8.7	6.0	Đạt	
501	28204500251	Lê Phương Thảo	7/15/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TBN8	7.3	6.0	Đạt	
502	27205324992	Lê Phương Thảo	3/1/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	7.7	9.3	Đạt	
503	29204145141	Lê Phương Thảo	2/15/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	6.3	5.5	Đạt	
504	28204554418	Lê Thị Thảo	8/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	9.0	9.5	Đạt	
505	27212844235	Nguyễn Hữu Ngọc Thảo	5/24/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CSC5	5.3	8.3	Đạt	
506	28206104384	Nguyễn Nhiên Thảo	11/29/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CHT5	7.0	6.8	Đạt	
507	28206502295	Nguyễn Thanh Thảo	9/20/2004	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	31THT10	7.3	5.0	Đạt	
508	28208001901	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/27/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	9.3	3.8	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
509	29206153154	Nguyễn Thị Phương Thảo	3/17/2005	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31CYC4	7.0	7.0	Đạt	
510	27205331768	Nguyễn Thị Phương Thảo	2/16/2003	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SSC4	6.3	5.5	Đạt	
511	29207456200	Nguyễn Thị Phương Thảo	7/6/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	8.7	7.5	Đạt	
512	28206252562	Nguyễn Thị Phương Thảo	6/4/2004	Nghệ An	Nữ	Kinh	31SHT5	V	V	Vắng thi	
513	28204601433	Phạm Thị Thu Thảo	6/4/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.7	8.8	Đạt	
514	29206558750	Phan Thị Phương Thảo	1/14/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	7.0	7.3	Đạt	
515	29204659857	Trần Thị Thu Thảo	5/21/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31SBN5	9.0	5.5	Đạt	
516	27205234591	Chế Trần Thi	8/13/2003	Phú Yên	Nữ	Kinh	31CBN4	7.0	6.9	Đạt	
517	27205426444	Đinh Phạm Uyên Thi	1/7/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT10	8.0	6.8	Đạt	
518	29214639188	Bùi Xuân Thiên	1/16/2005	Kon Tum	Nam	Kinh	31THT8	9.0	10.0	Đạt	
519	26218636067	Lê Văn Thiện	5/1/2002	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
520	27215352341	Võ Ngọc Thiện	11/17/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31TBN8	6.0	4.0	Không Đạt	
521	27212125291	Hồ Thanh Thịnh	6/17/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	8.0	5.8	Đạt	
522	26215339339	Lê Quang Thịnh	8/17/2001	Bình Định	Nam	Kinh	31TYC8	9.7	9.0	Đạt	
523	27213239364	Nguyễn Thịnh	10/31/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC5	V	5.0	Không Đạt	Bỏ thi KTC
524	27215431296	Nguyễn Bùi Hòa Thịnh	2/20/2003	Phú Yên	Nam	Kinh	31CYC4	9.3	6.5	Đạt	
525	29218457241	Trịnh Quang Thịnh	12/30/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	7.7	6.5	Đạt	
526	29206265619	Trần Thị Thu Thơ	1/22/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	5.3	6.5	Đạt	
527	28204751591	Đào Thị Như Thơm	1/1/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	7.0	6.8	Đạt	
528	27205436618	Lê Thị Hồng Thơm	8/13/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CBN5	5.0	9.0	Đạt	
529	28206602838	Hồ Thị Lệ Thu	4/14/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31THT10	7.0	7.0	Đạt	
530	28219447238	Lê Huỳnh Thu	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31CHT5	7.3	9.0	Đạt	
531	28214647359	Nguyễn Hữu Thu	12/26/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT4	5.0	5.3	Đạt	
532	28204550611	Nguyễn Đoàn Oanh Thư	9/2/2002	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31THT9	3.3	5.0	Không Đạt	
533	26205333239	Nguyễn Thị Anh Thư	5/25/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	10.0	9.8	Đạt	
534	28204604096	Trần Thị Minh Thư	5/16/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.7	8.0	Đạt	
535	29214659855	Lê Thuận	12/26/2005	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TBN8	5.0	6.3	Đạt	
536	29216941179	Huỳnh Văn Thức	1/28/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT8	9.3	4.0	Không Đạt	
537	29208151488	Đinh Thị Diệu Thương	8/11/2005	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC7	8.7	3.5	Không Đạt	
538	28204652989	Lê Nguyễn Hoài Thương	4/1/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	8.0	5.0	Đạt	
539	26205339345	Ngô Thị Mến Thương	5/8/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CSC4	9.7	10.0	Đạt	
540	29209424057	Nguyễn Thị Ngân Thương	11/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	8.7	5.8	Đạt	
541	28204123002	Văn Thị Hoài Thương	10/12/2004	Bình Định	Nữ	Kinh	31TSC8	7.0	8.3	Đạt	
542	28206552048	Nguyễn Thị Thanh Thúy	9/9/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	7.7	3.0	Không Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
543	29203564806	Nguyễn Thị Kim Thùy	8/4/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	8.7	7.3	Đạt	
544	27203242856	Nguyễn Thị Như Thùy	6/11/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC5	8.3	8.3	Đạt	
545	27205352342	Phạm Thị Thùy	4/26/2003	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CHT4	4.3	5.3	Không Đạt	
546	28204603713	Đoàn Thị Bích Thủy	3/11/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	8.3	9.5	Đạt	
547	29206665591	Nguyễn Thị Thủy	1/26/2005	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31THT9	5.0	7.0	Đạt	
548	28206524226	Trần Nguyễn Thu Thủy	5/3/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TYC8	4.3	6.5	Không Đạt	
549	29204620753	Trần Thị Thu Thủy	10/24/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	7.0	9.5	Đạt	
550	28216234199	Nguyễn Thị Anh Thy	11/5/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CBN4	6.7	6.0	Đạt	
551	29203465704	Tạ Hiền Thy	10/28/2005	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31CBN4	5.3	9.0	Đạt	
552	29206558742	Mai Thị Hà Tiên	11/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	4.7	3.8	Không Đạt	
553	27205339233	Nguyễn Hà Tiên	11/2/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31CHT3	-	V	Vắng thi	
554	27205400566	Trần Thị Thủy Tiên	11/5/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	9.0	10.0	Đạt	
555	27215422798	Đào Việt Tiến	4/7/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31CBN5	8.7	9.5	Đạt	
556	27215342200	Đoàn Nguyễn Quốc Tiến	10/28/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SBN5	7.7	7.0	Đạt	
557	28214353179	Hoàng Minh Tiến	3/31/2004	Quảng Trị	Nam	Kinh	31TYC7	9.7	9.5	Đạt	
558	27215352590	Lê Đức Tiến	9/4/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31TYC8	10.0	7.8	Đạt	
559	28212728575	Võ Đăng Tiến	7/27/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC8	5.7	5.0	Đạt	
560	28204653042	Nguyễn Thị Kim Tiền	5/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT8	9.7	9.3	Đạt	
561	28214554930	Ngô Quang Tính	2/4/2001	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	8.0	9.3	Đạt	
562	27205445574	Ngô Xuân Tinh	2/1/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31SSC4	10.0	4.0	Không Đạt	
563	28214603393	Nguyễn Thanh Tịnh	9/15/2004	Huế	Nam	Kinh	31THT9	6.7	6.3	Đạt	
564	28213232277	Nguyễn Đức Anh Toàn	5/25/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31TYC7	7.0	3.3	Không Đạt	
565	28206503528	Bùi Thị Thu Trà	8/15/2004	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	31SYC4	8.0	8.8	Đạt	
566	28204105157	Nguyễn Thị Thanh Trà	10/17/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	9.3	9.8	Đạt	
567	29204965812	Nguyễn Thị Thanh Trà	9/24/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	7.0	Đạt	
568	27205437142	Đình Ngọc Bảo Trâm	11/25/2003	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31THT8	6.7	8.5	Đạt	
569	28205102103	Nguyễn Minh Trâm	11/1/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TBN4	5.7	5.0	Đạt	
570	29206741435	Nguyễn Thị Bảo Trâm	8/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	10.0	5.8	Đạt	
571	26206627830	Nguyễn Thị Bích Trâm	6/4/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TSC8	6.3	5.8	Đạt	
572	28207103182	Nguyễn Thị Khánh Trâm	4/26/2003	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TYC8	8.7	6.5	Đạt	
573	29206658899	Nguyễn Thị Kiều Trâm	3/14/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	9.7	7.3	Đạt	
574	30206755000	Nguyễn Thị Thùy Trâm	2/14/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN3	5.7	7.0	Đạt	
575	29204623668	Phạm Huyền Bảo Trâm	9/22/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT5	5.0	6.8	Đạt	
576	27205352606	Phan Thị Ngọc Trâm	4/21/2003	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31SBN5	9.3	9.6	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
577	29206562451	Trần Thanh Trâm	12/5/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC4	3.7	5.0	Không Đạt	
578	27205402194	Trần Thị Ngọc Trâm	10/22/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	31THT8	6.3	9.3	Đạt	
579	29204627680	Trương Lê Ngọc Trâm	7/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CHT4	9.3	8.5	Đạt	
580	27202900594	Đặng Ngọc Phương Trâm	9/30/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CYC5	V	V	Vắng thi	
581	27215431654	Lê Nguyễn Quỳnh Trâm	5/14/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SHT4	9.0	10.0	Đạt	
582	28209425134	Mai Nguyễn Huyền Trâm	1/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT10	9.0	8.5	Đạt	
583	29204635751	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	11/20/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC6	5.3	7.5	Đạt	
584	28206247220	Nguyễn Thị Kiều Trâm	10/2/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31SHT5	8.3	8.0	Đạt	
585	29208120932	Đoàn Thị Huyền Trang	9/5/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31CYC4	10.0	8.5	Đạt	
586	28204603616	Dương Thị Huyền Trang	1/30/2004	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	5.3	5.3	Đạt	
587	28206200590	Lương Huyền Trang	10/18/2004	Gia Lai	Nữ	Kinh	31TSC5	9.3	5.0	Đạt	
588	29206845415	Nguyễn Thị Trang	10/7/2005	Nghệ An	Nữ	Kinh	31TBN8	5.0	3.5	Không Đạt	
589	28206101518	Nguyễn Thị Huyền Trang	9/2/2004	Kon Tum	Nữ	Kinh	31SHT5	5.3	5.5	Đạt	
590	28204624785	Nguyễn Thị Thu Trang	10/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	6.0	4.0	Không Đạt	
591	26205442064	Nguyễn Thị Thủy Trang	3/8/2002	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TSC8	9.7	5.8	Đạt	
592	29204361156	Phạm Thị Mỹ Trang	9/2/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SBN4	9.3	9.0	Đạt	
593	29202750127	Trần Ngọc Hạnh Trang	3/7/2005	Quảng Bình	Nữ	Kinh	31TSC7	9.3	9.5	Đạt	
594	27202102851	Trần Thị Thủy Trang	10/14/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	4.0	6.0	Không Đạt	
595	27215331348	Nguyễn Hữu Trí	10/12/2003	Bình Định	Nam	Kinh	31SBN5	10.0	7.8	Đạt	
596	27215449744	Hoàng Trọng Thiên Trí	11/12/2003	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CBN4	6.3	8.5	Đạt	
597	29212539158	Phạm Việt Trí	9/6/2005	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN4	5.7	5.5	Đạt	
598	27212125683	Từ Quang Trí	11/10/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT8	4.0	7.0	Không Đạt	
599	29206524490	Võ Thị Huỳnh Triều	10/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	8.7	8.3	Đạt	
600	27205352616	Nguyễn Lan Trinh	10/9/2003	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31CBN5	8.3	10.0	Đạt	
601	28204354745	Nguyễn Lê Ngọc Trinh	5/14/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN5	1.7	3.5	Không Đạt	
602	29204658504	Nguyễn Ngọc Tuyết Trinh	8/2/2005	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	31THT10	7.7	8.4	Đạt	
603	26205235285	Nguyễn Thị Hồng Trinh	4/15/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC8	9.3	6.8	Đạt	
604	27215338122	Phạm Văn Trinh	9/6/2003	Khánh Hòa	Nam	Kinh	31SYC4	8.7	10.0	Đạt	
605	27211340550	Phùng Đức Trọng	9/22/2003	Nam Định	Nam	Kinh	31SBN2	7.0	5.8	Đạt	
606	27215345206	Hồ Thanh Trúc	9/15/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	31SBN4	8.7	7.0	Đạt	
607	26205336291	Nguyễn Thanh Trúc	4/1/2002	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TYC8	9.0	9.0	Đạt	
608	28204644286	Nguyễn Thị Thanh Trúc	4/1/2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31SBN5	9.0	6.6	Đạt	
609	28214354705	Đặng Thành Trung	10/26/2004	Nghệ An	Nam	Kinh	31CBN5	5.0	5.5	Đạt	
610	26215332679	Nguyễn Đức Trung	3/25/2002	Quảng Bình	Nam	Kinh	31CSC5	7.7	9.5	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
611	28219439782	Nguyễn Thành Trung	1/2/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	4.7	2.5	Không Đạt	
612	27212943841	Lê Nguyễn Phi Trường	5/12/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31TSC8	6.3	6.8	Đạt	
613	26215334628	Nguyễn Nhật Trường	4/21/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31TYC8	8.7	10.0	Đạt	
614	27211301915	Nguyễn Văn Trường	1/24/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31THT10	5.3	3.4	Không Đạt	
615	28214852959	Phạm Nguyễn Quang Trường	2/29/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	3.0	7.0	Không Đạt	
616	28204803652	Phạm Trần Truyền	7/10/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN6	5.0	4.0	Không Đạt	
617	27215439728	Đỗ Thanh Tú	1/15/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC5	6.7	5.0	Đạt	
618	27204324083	Huỳnh Thị Cẩm Tú	4/17/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SSC4	9.7	10.0	Đạt	
619	28204621463	Nguyễn Anh Tú	8/22/2004	Đắk Lắk	Nam	Mường	31SSC4	6.0	6.5	Đạt	
620	27217144200	Nguyễn Công Tú	12/24/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CSC4	3.3	6.0	Không Đạt	
621	28207430780	Nguyễn Thị Minh Tú	1/15/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	9.7	7.0	Đạt	
622	26203222725	Nguyễn Thị Thanh Tú	4/29/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	30THT11	9.3	9.3	Đạt	
623	28207144397	Võ Thị Cẩm Tú	4/10/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TSC6	6.3	5.8	Đạt	
624	27211344035	Đặng Minh Tuấn	5/1/2003	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT6	8.0	5.5	Đạt	
625	27215439556	Lại Minh Tuấn	12/22/2003	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31CYC4	9.3	9.0	Đạt	
626	27217733435	Lê Bùi Anh Tuấn	9/16/2003	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	31SYC4	9.0	7.8	Đạt	
627	27213138418	Nguyễn Đắc Tuấn	5/8/2002	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SHT5	6.3	6.0	Đạt	
628	27215234586	Nguyễn Hoàng Tùng	10/31/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31THT10	6.0	0.8	Không Đạt	
629	27215332064	Nguyễn Quang Tùng	4/16/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT4	10.0	10.0	Đạt	
630	27212124145	Nguyễn Văn Tuy	1/30/2003	Quảng Trị	Nam	Kinh	31CYC5	6.3	3.5	Không Đạt	
631	28207100371	Ngô Ánh Tuyền	6/14/2004	Phú Yên	Nữ	Kinh	31TSC6	5.3	3.0	Không Đạt	
632	27202138850	Trương Thị Thanh Tuyết	10/13/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	5.0	6.3	Đạt	
633	29206761095	Cao Hải Uyên	1/25/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	6.0	8.5	Đạt	
634	28209301244	Huỳnh Nhã Uyên	6/2/2004	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31SBN5	H	H	Hoãn thi	
635	28204303949	Nguyễn Thị Bảo Uyên	1/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT3	5.7	8.0	Đạt	
636	27207221532	Nguyễn Thị Thanh Uyên	4/20/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC1	5.3	5.0	Đạt	
637	29206765754	Phạm Nguyễn Phương Uyên	3/31/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	9.5	Đạt	
638	29206757900	Trần Khánh Uyên	10/9/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	10.0	6.0	Đạt	
639	27205449765	Võ Huỳnh Thảo Uyên	7/8/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	9.3	9.5	Đạt	
640	28206549248	Lê Thị Vi Va	10/6/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31SSC4	8.0	5.5	Đạt	
641	26205436390	Đỗ Thị Bích Vân	1/6/2002	Bình Định	Nữ	Kinh	31TYC8	10.0	10.0	Đạt	
642	29208120475	Lê Thị Thúy Vân	8/11/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	5.5	Đạt	
643	28218152124	Nguyễn Tấn Văn	4/2/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CHT3	6.7	6.8	Đạt	
644	29206565555	Nguyễn Phạm Thùy Vi	1/21/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	8.0	6.8	Đạt	

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	LỚP	ĐIỂM THI		KẾT QUẢ	GHI CHÚ
								KTC	THUĐ		
645	29206563297	Nguyễn Thị Thảo Vi	5/7/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SYC2	5.7	5.5	Đạt	
646	28204854947	Nguyễn Thị Tường Vi	6/19/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC7	9.7	5.3	Đạt	
647	27205343035	Phạm Trần Nhật Vi	11/23/2002	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31TYC8	9.7	9.3	Đạt	
648	27207138543	Trần Hoàng Ái Vi	4/22/2003	Quảng Trị	Nữ	Kinh	31TYC8	8.3	7.0	Đạt	
649	28214651814	Võ Nguyễn Lâm Viên	9/19/2004	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SBN3	6.7	8.5	Đạt	
650	25215307124	Đỗ Phú Quốc Việt	1/22/2000	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CYC4	8.0	9.3	Đạt	
651	28219305999	Nguyễn Quốc Việt	10/31/2004	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	5.7	6.3	Đạt	
652	28216501584	Hồ Hoàng Vũ	2/6/2004	Phú Yên	Nam	Kinh	31TBN9	9.7	9.8	Đạt	
653	27215335333	Lê Quang Vũ	10/1/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SYC4	9.7	10.0	Đạt	
654	27214730270	Nguyễn Vũ	2/2/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31SBN4	6.7	8.0	Đạt	
655	28214854647	Nguyễn Đoàn Anh Vũ	11/8/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31THT10	6.0	2.3	Không Đạt	
656	29216120372	Nguyễn Lê Anh Vũ	7/9/2005	Đắk Lắk	Nam	Kinh	31SHT4	8.0	7.0	Đạt	
657	27215330980	Nguyễn Thanh Vũ	12/5/2003	Đà Nẵng	Nam	Kinh	31SYC4	9.3	10.0	Đạt	
658	27212232345	Hồ Võ Lệ Vương	8/3/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TSC7	8.3	6.0	Đạt	
659	27215400291	Huỳnh Quốc Vương	12/14/2003	Quảng Nam	Nam	Kinh	31CBN5	5.0	10.0	Đạt	
660	29206521415	Cao Thị Loan Vy	5/6/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31THT9	7.3	7.0	Đạt	
661	28206205210	Đinh Thị Hạ Vy	6/2/2004	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN9	5.7	6.8	Đạt	
662	28206603863	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	10/19/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SHT4	4.7	6.0	Không Đạt	
663	29204863992	Nguyễn Thị Phương Vy	7/8/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.0	6.0	Đạt	
664	27207235060	Nguyễn Thị Tường Vy	7/8/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SSC1	5.7	8.0	Đạt	
665	30204557512	Trần Thị Thảo Vy	7/7/2006	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31SBN5	10.0	9.5	Đạt	
666	29208153390	Lê Huỳnh Ánh Xuân	1/21/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31SYC4	5.0	3.0	Không Đạt	
667	29206242548	Nguyễn Thị Thanh Xuân	10/29/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CSC5	9.0	6.5	Đạt	
668	29206759422	Huỳnh Thị Ý Ý	9/26/2005	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TYC7	7.0	6.5	Đạt	
669	28206833883	Mai Như Ý	12/13/2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31TBN9	5.7	8.5	Đạt	
670	27205337717	Nguyễn Thị Nhật Ý	2/12/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TYC8	9.3	9.8	Đạt	
671	27205342342	Nguyễn Thị Như Ý	6/11/2003	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31TBN8	8.7	8.0	Đạt	
672	29208137682	Nguyễn Thị Như Ý	3/6/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31THT8	9.3	7.3	Đạt	
673	29204658562	Trần Lê Như Ý	1/20/2005	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	31TBN8	6.7	8.0	Đạt	
674	28204401950	Võ Thị Như Ý	7/21/2004	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	30TBN13	5.0	3.3	Không Đạt	
675	29208138083	Bùi Thị Hải Yến	9/10/2005	Quảng Nam	Nữ	Kinh	31CBN4	10.0	5.8	Đạt	
676	28204901936	Huỳnh Thị Thu Yến	8/15/2004	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	31CHT5	6.7	5.5	Đạt	
677	29204659993	Phạm Thị Hải Yến	11/28/2005	Đắk Nông	Nữ	Kinh	31SBN5	9.3	9.5	Đạt	